

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ THỦY
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2020/DS-ST

Ngày 28/9/2020

V/v tranh chấp đòi lại tài sản.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỊ THỦY, TỈNH HẬU GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Mỹ Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Tuyển

2. Ông Nguyễn Đông Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Phương Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vị Thủy tham gia phiên tòa: Ông Trương Văn Phương – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và ngày 28/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vị Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLST – DS ngày 07/01/2020 về việc tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST – DS ngày 09/9/2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 115/2020/QĐST – DS ngày 21/9/2020 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Bà Văn Thị T, sinh năm: 1958.

Địa chỉ: ấp 2, xã Vị Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thúy A, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: ấp 3A, xã Vị Đ, huyện Vị T, tỉnh Hậu Giang. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Võ Văn Đ, sinh năm 1985. Có mặt.

3.2. Ông Võ Văn L

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Văn L: Bà Văn Thị T

Cùng địa chỉ: ấp 02, xã Vị Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Văn Thị T đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn L trình bày:

Bà T là mẹ ruột của ông Võ Văn Đ, Thúy A là con dâu, hiện nay Đ và Thúy A đã ly hôn.

Trong thời gian ông Đ và bà Thúy A còn chung sống bà và ông Võ Văn L có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh H căn nhà ven sông khu vực chợ Hội Đồng để cho ông Đ và bà Thúy A buôn bán chứ không có cho luôn. Giá chuyển nhượng là 80.000.000đ. Căn nhà này hiện nay Nhà nước đã thu hồi và gia đình bà được bồi hoàn số tiền là 104.385.232 đồng. Khi nhà nước làm thủ tục bồi hoàn vợ chồng bà để cho ông Đ đứng tên nhận tiền vì ông Đ là con trai út và ở chung với vợ chồng bà. Số tiền này ông Đ trực tiếp nhận sau đó ông Đ giao lại cho bà Thúy A, việc ông Đ giao tiền cho bà Thúy A là việc riêng giữa vợ chồng ông Đ bà không có gì chứng minh.

Theo bà được biết sau khi nhận tiền bồi hoàn thì ông Đ đi gửi tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp. Sau đó bà Thúy A yêu cầu ông Đ rút ra để cớ đất của ông Nguyễn Văn Công, bà khai bà Kim Anh là vì ông Công là con của bà Kim A, nhưng người trực tiếp đứng ra cớ đất là ông C và người nhận cớ đất là bà Thúy A có bà Kim A chứng kiến. Sau khi cớ bà Thúy A cho ông Nguyễn Văn S thuê lại 17.000.000đ/năm, cho thuê 03 năm là 51.000.000 đ. Ông S đã trả tiền thuê đất cho bà Thúy A. Hiện nay đất cớ của ông Công thì ông C đã chuộc lại. Tiền chuộc đất bà Thúy A đang quản lý. Bà yêu cầu bà Thúy A trả cho bà 51.000.000 đ tiền bà Thúy A cho thuê đất vì số tiền này bà Thúy A lấy tiền của bà đi cớ đất rồi cho thuê lại mới có.

Đối với căn nhà bị thu hồi Nhà nước có hỗ trợ 1.000.000đ/tháng, sáu tháng lãnh 01 lần đều do ông Đ trực tiếp đi lãnh. Tổng cộng hỗ trợ 09 năm là 108.000.000 đ. Theo bà được biết thì số tiền này ông Đ lãnh về đều giao lại cho bà Thúy A. Bà nghe ông Đ nói lại bà không có giấy tờ chứng minh.

Khi Nhà nước thu hồi nhà thì gia đình bà có được quyền ưu tiên mua nền tái định cư nhưng do không có nhu cầu mua nền nên bà để cho ông Đ đứng ra bán quyền mua nền với giá 62.000.000 đ nào năm 2017 cho ông Đặng Văn Triêu. Ông T1 trả trước 32.000.000 đ do bà trực tiếp nhận, có ông Đ chứng kiến, sau khi nhận tiền bà giao trực tiếp 32.000.000 đ cho bà Thúy A giữ. Lúc bà giao tiền cho Thúy A ông T1 đã về nên không chứng kiến. Việc bà giao tiền cho bà Thúy A không có làm giấy tờ, bà không có gì chứng minh.

Vào năm 2009 bà có tổ chức thôi nôi cho cháu nội là Võ Nguyễn Vạn P là con của bà Thúy A và ông Đ. Đến năm 2011 bà tổ chức thôi nôi cho cháu Võ Nguyễn Như Y là con của ông Đ và bà Thúy A. Tổng cộng 02 lần thôi nôi bà gom lại tiền khách đi đám và bà con cho tiền và vàng bà bán ra hết được tổng cộng là 30.000.000đ. Số tiền này bà giao lại cho bà Thúy A vào năm 2011 bà kêu bà Thúy A giữ để gom tiền lại mua nền nhà. Việc giao nhận không làm giấy tờ.

Tổng cộng tiền bồi hoàn, tiền cho thuê đất, tiền hỗ trợ thuê nhà, tiền bán quyền mua nền tái định cư, tiền khách đi thôi nôi 02 cháu nội tổng cộng là 325.385.232 đ đều do bà Thúy A quản lý. Nay bà yêu cầu bà Thúy A trả lại số tiền này cho bà. Bà không yêu cầu ông Đ trả vì ông Đ không giữ số tiền này, khi ly hôn ông Đ cũng không chia tài sản chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thúy A trình bày:

Trước đây bà Văn Thị T là mẹ chồng của bà, ông Võ Văn Đ là chồng bà. Hiện bà và ông Đ đã ly hôn.

Năm 2008, cha mẹ chồng bà có mua căn nhà và đất của cha mẹ bà là Võ Thị H1 và ông Nguyễn Thanh H tại ấp 3A, xã Vị Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang với số tiền 80.000.000đ cho vợ chồng bà ở và buôn bán. Khi cha mẹ chồng cho nhà và đất thì có làm giấy tờ hay không thì bà không biết. Sau này, do ảnh hưởng của dự án bờ kè Kênh sáng Xà No nên căn nhà bị Nhà nước thu hồi. Số tiền Nhà nước bồi thường sau khi thu hồi căn nhà là 104.385.232đ. Số tiền này do ông Võ Văn Đ nhận. Sau khi nhận tiền xong thì ông Đ không có đưa cho bà, ông Đ sử dụng vào mục đích gì thì bà không biết.

Vợ chồng bà có cổ đất của ông Nguyễn Văn C (ngụ tại ấp 3A, xã Vị Đ, huyện V, tỉnh Hậu Giang) phần đất 05 công đất tọa lạc tại ấp 3A, xã Vị Đông với số tiền 150.000.000đ. Tiền cổ đất trong đó của vợ chồng bà là 70.000.000đ còn lại 80.000.000đ là do vợ chồng bà mượn của mẹ ruột bà. Khi cổ hai bên có làm giấy tay, thời hạn cổ là 03 năm, trong giấy tay chỉ thể hiện tên của bà là người nhận cổ đất. Giấy tay cổ đất hiện do bên chồng bà giữ. Sau khi cổ đất thì vợ chồng bà cho ông Nguyễn Văn Sáng (ngụ tại ấp 3A, xã Vị Đông, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang) thuê lại với số tiền là 17.000.000đ/năm. Tiền thuê đất ông Sáng trả hàng năm. Hiện phần đất cổ đã cho ông Công chuộc lại sau khi hết thời hạn cổ đất. Số tiền chuộc đất và tiền thuê đất là 150.000.000đ + 51.000.000đ = 201.000.000đ. Trả lại cho mẹ bà 80.000.000đ số tiền còn lại 121.000.000đ thì phục vụ cho chi tiêu gia đình và kinh doanh văn phòng phẩm khi hai vợ chồng còn sống chung. Hiện tại số tiền này không còn.

Đối với số tiền được hỗ trợ khi chưa được cấp nền nhà tái định cư là 1.000.000đ/tháng, tổng cộng 108.000.000đ và số tiền 32.000.000đ bán nền tái định cư mà nguyên đơn trình bày do bà đang giữ thì bà không thống nhất. Số tiền này bà không có nhận và hiện do ai giữ thì bà không biết.

Đối với số tiền 30.000.000đ bà T cho rằng có giao cho bà sau khi làm đám sinh nhật cho 02 cháu Võ Nguyễn Vạn P và Võ Nguyễn Như Y thì bà không biết.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà không đồng ý do bà không có giữ số tiền nào như nguyên đơn trình bày.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Võ Văn Đ trình bày:

Ông là con ruột của bà Văn Thị T. Sau khi kết hôn với bà Nguyễn Thúy A khoảng 01 năm thì cha ông (ông Võ Văn Lắm) mua căn nhà và đất ven sông của cha mẹ vợ ông ở ấp 3A, xã Vị Đ cho vợ chồng ông ở và kinh doanh. Cha mẹ không có cho luôn vì ông là con út. Đến năm 2010 thì căn nhà và đất bị Nhà nước thu hồi để làm bờ kè kinh Xáng Xà No. Khi Nhà nước thu hồi thì bồi thường căn nhà được số tiền 104.385.232đ. Số tiền bồi thường do ông nhận. Sau khi nhận tiền thì ông gửi vào Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam Chi nhánh tỉnh Hậu Giang số tiền 100.000.000đ còn lại 4.385.232đ thì ông đưa cho bà Thúy A. Do là vợ chồng nên khi đưa tiền không có làm giấy tờ gì. Sau đó bà Thúy A kêu ông rút tiền gửi về để cố đất nên ông rút toàn bộ số tiền về giao lại cho bà Thúy A giữ. Việc giao tiền không có giấy tờ và không có ai chứng kiến.

Về việc bà Thúy A nhận cố đất của ông Nguyễn Văn Công và cho ông Nguyễn Văn S thuê đất lại sau khi cố thì ông không biết. Khi ông C trả tiền cố đất và ông S trả tiền thuê đất thì ông hoàn toàn không biết.

Đối với số tiền được hỗ trợ khi chưa được cấp nền nhà tái định cư là 1.000.000đ/tháng, tổng cộng 108.000.000đ là do ông nhận tiền. Sau khi nhận thì ông đưa lại cho bà Thúy A. Do là vợ chồng nên khi đưa tiền ông không có làm giấy tờ gì.

Đối với số tiền bán nền tái định cư được 62.000.000đ. Người mua đặt cọc trước 32.000.000đ do ông nhận, sau khi nhận thì ông đưa lại cho bà T rồi bà T đưa lại cho bà Thúy A. Khi đưa cũng không có làm giấy tờ gì.

Đối với số tiền 30.000.000đ sau khi làm thôi nôi cho con ông thì ông không biết nên ông không có ý kiến.

Nay ông yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà Thúy A không thống

nhất với yêu cầu của bà T. Ông Đ giữ nguyên lời trình bày của mình trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu về việc thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử, cũng như ý thức chấp hành pháp luật của các bên đương sự là đúng pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về án phí đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thể hiện trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 325.385.232 đ nên Tòa án xác định “Tranh chấp về đòi lại tài sản” là đúng quy định và đúng thẩm quyền theo Đ 26; điểm a khoản 1 Đ 35 và điểm a khoản 1 Đ 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà T cho rằng bà Thúy A giữ nhiều khoản tiền bao gồm: tiền bồi hoàn do Nhà nước thu hồi căn nhà, tiền bà Thúy A cho thuê đất từ phần đất cô do lấy tiền của bà đi cố, tiền Nhà nước hỗ trợ thuê nhà, tiền bán suất mua tái định cư, tiền bà xuất ra làm đám thôi nôi cho 02 con của bà Thúy A sau đó khách đi tiền bà giao lại cho bà T 30.000.000 đ. Tổng cộng các khoản là 325.385.232 đ. Tuy nhiên bà Thúy A không thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án bà T trình bày nội dung không thống nhất tại đơn khởi kiện thì cho rằng cho bà Thúy A mượn, trong quá trình giải quyết vụ án thì bà cho rằng bà đưa cho ông Đ và ông Đ giao lại cho bà Thúy A giữ. Bà giao cho ông Đ, bà Thúy A giữ các khoản tiền này để sau này mua nhà khác cho bà. Xét thấy bà T cho rằng giao tiền cho bà T và ông Đ giữ để sau này bà T và ông Đ mua lại nhà khác cho bà nhưng bà không cung cấp được chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của bà. Xét thấy các đương sự đều thống nhất tiền bồi thường do bị thu hồi đất là do ông Đ nhận, tiền hỗ trợ thuê nhà cũng do ông Đ nhận, tiền bán suất mua nên tái định cư thì ông Đ và bà T trình bày không thống nhất với nhau, bà T và ông Đ đều cho rằng tự mình đưa cho bà Thúy A. Trong khi bà Thúy A không thừa nhận có nhận các khoản tiền từ ông Đ và bà T. Như vậy ông Đ là người trực tiếp nhận các khoản tiền từ bà T chứ không phải bà Thúy A. Đối với số tiền bà Thúy A đứng ra cố đất, bà T và ông Đ đều cho rằng bà Thúy A lấy tiền ông gửi tiết kiệm dùng vào

việc cố đất là không đúng vì theo giấy tay cố đất do bà T cung cấp thì số tiền cố đất là 150.000.000 đ. Về số tiền 30.000.000 đ bà T cho rằng có giao cho bà Thúy A sau khi tổ chức thôi nôi cho 02 cháu nội bà gom lại đưa 01 lần là 30.000.000 đ nhưng ông Đ lại cho rằng bà T giao cho bà Thúy A 02 lần. Như vậy lời trình bày của bà T và ông Đ không thống nhất với nhau.

Xét thấy khi bà Thúy A và ông Đ chung sống nếu có nhận được sự hỗ trợ của cha mẹ về tiền bạc để phát triển kinh tế phục vụ cuộc sống và nuôi con. Thì đây xem như là sự giúp đỡ, hỗ trợ của cha mẹ đối với con cái và việc giúp đỡ, hỗ trợ các con xây dựng cuộc sống là tự nguyện của cha mẹ, nếu bà T cho rằng cho mượn hay giao các con cất giữ nên phải có nghĩa vụ trả lại bà thì bà T phải chứng minh có việc cho mượn tiền hoặc giao cất giữ hộ. Còn về số tiền có được từ việc cho thuê đất cố. Xét thấy đây là số tiền mà bà Thúy A và ông Đ tạo lập được trong thời kỳ hôn nhân từ thành quả lao động của vợ chồng nên là tài sản của vợ chồng bà T và ông Đ, bà T không có quyền đòi lại.

Do bà T khởi kiện nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, không chứng minh được bà T phải chịu nghĩa vụ hoàn trả cho bà các khoản tiền như bà đã trình bày. Do đó bà T phải chịu hậu quả do việc không chứng minh được theo quy định tại Đ 91 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó yêu cầu của bà T là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do bà T là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

[4]. Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Đ 5, 6, 26, 35, 39, 91, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Đ 165, 166, 274, 275, 276, 579, 580, 581 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Văn Thị T. Về việc yêu cầu bà Nguyễn Thúy A trả cho bà Văn Thị T số tiền 325.385.232 đồng (Ba trăm hai mươi lăm triệu ba trăm tám mươi lăm nghìn hai trăm ba mươi hai đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Văn Thị T được miễn án phí.

Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Đ 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Đ 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Đ 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Vị Thủy;
- Chi cục THADS huyện Vị Thủy;
- Công TTĐT Tòa án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Quách Thị Mỹ Trúc